

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp muối i-ốt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách cấp muối i-ốt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2021.

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 227TTr-BDT ngày 13/4/2021 và Sở Tài chính tại Tờ trình số 211/TTr-STC ngày 19/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp muối i-ốt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2021, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Thực hiện chính sách cấp muối i-ốt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021.

2. Cấp quyết định: UBND tỉnh Bình Định.

3. Tên chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh Bình Định.

4. Số lượng muối cấp:

- Số lượng muối cấp: 247.782 kg được đựng trong 247.782 túi OPP loại 1kg.

- Cấp cho: 41.297 nhân khẩu (định mức 6kg/người).

5. Chất lượng muối:

Muối i-ốt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật được quy định tại Thông tư số 04/2011/TT-BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, cụ thể:

STT	Tên chỉ tiêu	Giới hạn
1	Hàm lượng NaCl tính theo khối lượng chất khô (không kể các phụ gia thực phẩm)	Không được thấp hơn 97,0%
2	I-ốt	Không được thấp hơn 20,0 (mg/kg) và không được quá 40,0 (mg/kg)
3	Hàm lượng chất không tan trong nước	Không được quá 0,3% (tính theo khối lượng chất khô)
4	Arsen, tính theo As	Không được quá 0,5 (mg/kg)
5	Đồng, tính theo Cu	Không được quá 2,0 (mg/kg)
6	Chì, tính theo Pb	Không được quá 2,0 (mg/kg)
7	Cadmi, tính theo Cd	Không được quá 0,5 (mg/kg)
8	Thủy ngân, tính theo Hg	Không được quá 0,1 (mg/kg)

I-ốt bổ sung vào muối ăn chỉ được sử dụng dạng kali iodat, phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đối với kali iodat được quy định trong QCVN 3-6:2011/BYT về các chất được sử dụng để bổ sung i-ốt vào thực phẩm.

6. Chất lượng túi:

Túi OPP loại túi 1kg, trong đó:

- Loại nhựa: Chủng nhựa OPP phức hợp;
- Độ dày của túi: 0,15mm – 0,20mm in đẹp, rõ nét, không bong tróc khi sử dụng, túi OPP phức hợp;
- Quy cách 17cm x 26cm;
- Túi OPP phức hợp, in 3 màu, 2 mặt; phải ghi dòng chữ bằng Tiếng Việt: “Muối ăn bổ sung I-ốt”.

7. Địa điểm giao nhận muối:

Địa Điểm: Tại Trụ sở UBND xã và nhà rông các làng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (*Kèm theo phụ lục chi tiết*).

8. Tiến độ thực hiện: Năm 2021.

9. Đơn giá 1 kg muối i-ốt: 5.800 đồng/kg.

10. Chi tiết dự toán kinh phí:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	CHI CẤP MUỐI I-ÓT	247.782	5.800	1.437.135.600	<i>(Kèm theo phụ lục chi tiết)</i>
B	CHI PHÍ KHÁC			5.864.400	
1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ dự thầu			2.874.270	Khoản 3, 4 Điều 9 NBĐ 63
1.1	<i>Chi phí lập hồ sơ mời thầu</i>	<i>A x 0,1%</i>		<i>1.437.135</i>	
1.2	<i>Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu</i>	<i>A x 0,1%</i>		<i>1.437.135</i>	
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu			2.000.000	Khoản 3, 5 Điều 9 NBĐ 63
2.1	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu</i>	<i>Tối thiểu 1.000.000đ</i>		<i>1.000.000</i>	
2.2	<i>Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</i>	<i>Tối thiểu 1.000.000đ</i>		<i>1.000.000</i>	
3	Chi phí khác	Đăng báo, in, photo tài liệu, văn phòng phẩm		990.130	
	Cộng			1.443.000.000	

(Tổng dự toán kinh phí: Một tỷ, bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn).

11. Nguồn kinh phí:

Sử dụng từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp đảm bảo xã hội năm 2021 đã được UBND tỉnh giao dự toán cho Ban Dân tộc tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 10/12/2020.

Điều 2. Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở ngành và UBND các huyện liên quan có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí nêu trên đúng mục đích và tổ chức thực hiện hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, không bỏ sót đối tượng được thụ hưởng chính sách theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- CT, PCTTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh